

Bản án số: 17/2024/HSST
Ngày 17-01-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Phùng Thị Kim T - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 365/2023/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Dương Văn D, sinh ngày 01-01-1979 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nam; Nơi thường trú và nơi ở: Thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C và bà Lê Thị T1; vợ: Nguyễn Thị B, có hai con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007; Tiền sự - Tiền án: không.

Biện pháp ngăn chặn: Bị bắt ngày 28 tháng 03 năm 2022; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 04/2023/TTBPNC-QĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh; bị bắt lại ngày 17 tháng 06 năm 2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bị cáo có mặt).

Bị hại: Võ Văn N, sinh năm 1997 – Địa chỉ: Thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1968 – Địa chỉ: Thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1958 – Địa chỉ: Thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Anh Dương Văn L, sinh năm 1982 – Địa chỉ: Thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1984 – Địa chỉ: Thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

- Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1986 – Địa chỉ: Thôn F, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1981 – Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1990 – Địa chỉ: Thôn F, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1955 – Địa chỉ: Thôn F, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Chị Võ Thị L2, sinh năm 1980 – Địa chỉ: Thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại thời điểm ngày 13-05-2020, Dương Văn D và chị Nguyễn Thị B là vợ chồng, làm nghề buôn bán hải sản tại xã L, thành phố V. Anh Võ Văn N là người làm thuê cho vợ chồng D và B. Quá trình làm chung giữa anh N và chị B nảy sinh tình cảm yêu đương, D cũng biết mối quan hệ này.

Tối ngày 12-5-2020, cháu Y là con gái của B đến nhà chị Nguyễn Thị Kim L1 (em dâu chị B) chơi và mượn điện thoại của chị L1 sử dụng. Đến khoảng gần 00 giờ ngày 13-05-2020, chị L1 sử dụng điện thoại thì thấy zalo cháu Y đăng nhập chưa thoát ra, có nội dung tin nhắn chị B và anh N hẹn gặp nhau ở nhà anh N. Chị L1 nói với chồng là Nguyễn Thanh T2 (em chị B) biết, anh T2 nói cho ông Nguyễn Văn T3 (bố chị B) ở cùng nhà biết và điện thoại cho anh Nguyễn Văn B1 (anh chị B) đến.

Sau đó, chị L1, anh T2, anh B1 và ông T3 cùng đến nhà D để tìm chị B. Do trước đó D đi uống bia nên về ngủ ở phòng khách, mọi người gọi cửa một lúc thì D mới dậy. Sau khi D dậy, mọi người hỏi B đâu thì D đi vào phòng ngủ tìm nhưng không thấy. T2 nói cho D biết là B đang ở nhà N, bây giờ phải đi qua bắt Bông phải về, không cho B ở nhà anh N. Chị L1, anh T2, ông T3, anh B1 chờ D một lúc để D dẫn đường đi qua nhà anh N.

Rồi chị L1, anh T2, ông T3, anh B1 và D đi cửa sau nhà D đến nhà anh N. Trên đường đi, D nhặt được cây kéo ở thùng xốp trồng rau để sát mép đường đi, bỏ vào túi quần bên phải nhằm mục đích phòng thân do biết anh N là người nghiện ma túy và có thể trạng tốt hơn mình, còn anh T2 nhặt một khúc cây bên đường cầm theo.

Khi gần đến nhà N, anh B1, chị L1 đứng ngoài hẻm lớn; D, ông T3, anh T2 tiếp tục đi vào hẻm nhỏ để vào nhà N. Khi gần đến cửa nhà N thì ông T3, anh T2 đứng lại, D đi tiếp đến cửa nhà anh N. Lúc này, ông T3 bỏ đi về.

D lấy điện thoại điện cho chị B nhưng chị B không dám nghe máy. Chị B định đi ra mở cửa để về thì lúc này D dùng tay đập cửa nhà anh N và gọi chị B. Khi chị B vừa mở cửa ra thì D dùng tay trái nắm lấy tay phải của chị B kéo ra khỏi cửa, dùng tay phải tát một cái vào mặt chị B. Chị B choáng váng ngã xuống thì anh N từ trong nhà đi ra, nói D sao lại đánh chị B. D tiếp tục kéo chị B ra ngoài thì anh N đẩy tay D ra và chen vào giữa D và chị B. D dùng tay phải lấy cây kéo ở trong túi quần bên phải đâm một phát vào vùng bụng của anh N rồi rút kéo ra. Chị B đỡ anh N đi vào trong nhà. Anh T4 nghe thấy tiếng giằng co liền chạy vào. Sau đó, anh T4 kéo D chạy về vì lo sợ anh N sẽ mang hung khí ra đánh lại. D và anh T4 ra khỏi hẻm nhỏ, rồi cùng với anh B1 và chị L1 đi về nhà D. Trên đường về, D đã nói với anh T4 là D đã đâm anh N. Anh N sau đó đã được em ruột là Võ Nhựt K và chị B đưa đi cấp cứu bằng xe mô tô.

Về đến nhà, D đi qua nhà chính ra cổng trước, vứt cây kéo vào thùng rác của nhà hàng xóm, dùng bịch rác đập lên. Một lúc sau, D đoán anh N và chị B đang ở Trạm y tế xã L nên đã nhờ anh T4 và chị L1 đi tới trạm y tế gặp B để lấy lại điện thoại di động và thẻ ATM của chị B vì trong điện thoại có thông tin của khách hàng mua hào và sợ chị B sử dụng hết tiền chung trong thẻ ATM.

Anh T4, chị L1 và anh B1 cùng đi tới trạm y tế nhưng trên đường đi anh B1 đã về nhà. Anh T4 và chị L1 tới trạm y tế gặp chị B để lấy điện thoại, thẻ ATM nhưng chị B không mang theo. T4, L1 yêu cầu chị B về nhà nhưng chị B không đi. Anh T4 điều khiển xe mô tô về chở D tới Trạm y tế xã L. Tới nơi, D kéo chị B lên xe. Anh T4 chở chị B và D về nhà rồi quay lại trạm y tế chở chị L1 về nhà.

D tiếp tục chất vấn B về điện thoại với thẻ ATM và đánh chị B, nên chị B bỏ qua nhà anh N. Khoảng 03 giờ cùng ngày, D điện thoại nhờ ông T3, T4 và L1 cùng D qua nhà anh N đưa chị B về. Sau khi đưa chị B về, ông T3 về nhà của mình, anh T4 và chị L1 tiếp tục cùng cháu Dương Minh T5 (con trai D và B) quay trở lại nhà anh N để tìm điện thoại và thẻ ATM của chị B nhưng không tìm thấy. Sau đó, tất cả về nhà của mình.

Đến 08 giờ ngày 13-05-2020, Công an xã L triệu tập Dương Văn D đến làm việc. Lúc đầu, D không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 14-05-2020, D đã thừa nhận hành vi dùng kéo đâm gây thương tích cho anh N. Chiều ngày 14-05-2020, Công an xã L đã đưa D xuống vị trí thùng rác D đã vứt cây kéo nhưng không thu giữ được cây kéo. Nghi ngờ là rác đã bị đổ, Công an xã tiếp tục đưa D tới vị trí bãi rác tập kết để tìm kiếm nhưng vẫn không thu giữ được cây kéo. Sau đó, D đã dẫn Công an xã vào phòng bếp của nhà bà Lê Thị T1 (là mẹ đẻ của D) lấy cây kéo giao nộp và nói đây là kéo dùng để đâm gây thương tích cho Võ Văn N.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 56/TgT ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh B kết luận đối với thương tích của Võ Văn N:

- Dấu hiệu chính qua giám định: 01 sẹo lớn, 06 sẹo nhỏ; Thùng dạ dày 02 lỗ đã khâu lỗ thùng, chưa có biến chứng; Thùng tĩnh mạch chủ bụng, tĩnh mạch cửa/tĩnh mạch mạc treo tràng trên, đã khâu nối, lành thương tốt; Đứt cổ tụy đã phẫu thuật nối ống tụy – ruột non, có biến chứng hoại tử chảy máu, hiện đã ổn định.

- Về vật gây thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của nạn nhân phù hợp với tổn thương cơ bản là “vết thùng”, được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng nhọn hoặc vật cứng sắc nhọn, khả năng tác động vào vùng thượng vị theo chiều từ trước ra sau, từ dưới lên trên, cơ chế đâm.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 86%.

Bản án hình sự sơ thẩm số 265/2022/HSST ngày 26-09-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã xử phạt Dương Văn D 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Dương Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bản án hình sự phúc thẩm số 33/2023/HSPT ngày 27-04-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 265/2022/HSST ngày 26-09-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu vì những lý do sau: Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ, vi phạm

ngghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, lời khai của bị cáo và các đương sự trong vụ án mâu thuẫn nhưng chưa đối chất làm rõ, cụ thể bao gồm những nội dung sau:

- Về việc tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm và điều tra vụ án: Cơ quan điều tra không tiến hành khám nghiệm hiện trường và không tiến hành thực nghiệm điều tra.

- Về việc thu giữ vật chứng là cây kéo: Công an xã L đã thu giữ cây kéo không đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định.

- Về Kết luận giám định: Cấp sơ thẩm xác định anh N bị đâm nhiều nhất với tỷ lệ tổn thương cơ thể 86% là không phù hợp với thương tích của anh N.

- Về người gây thương tích cho anh N: Từ giai đoạn điều tra lời khai của D đã có nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D và bị hại N đã thay đổi lời khai. Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng, Hội đồng xét xử không xác định được ai là người đã gây ra thương tích cho anh N.

- Về sự có mặt của ông T3: Lời khai của D và những người làm chứng về sự có mặt của ông T3 tại hiện trường vụ án có nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ, Hội đồng xét xử không xác định được ông T3 có liên quan gì đến vụ án và ông T3 có mặt tại hiện trường vụ án hay không.

Kết quả điều tra lại: Quá trình điều tra lại, toàn bộ diễn biến vụ án được thực nghiệm điều tra đúng thời gian, địa điểm đã xảy ra vụ án với sự có mặt của Dương Văn D, Võ Văn N, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Thị Kim L1, Võ Thị L2. Dương Văn D vẫn khai nhận D đã dùng cây kéo đâm một nhát vào bụng anh N.

Dương Văn D và bà Võ Thị L2 thừa nhận đã được Luật sư bào chữa hướng dẫn thay đổi lời khai để D khai theo lời khai của bà L2, thừa nhận lời khai của D và bà L2 tại phiên tòa phúc thẩm đã xét xử trước đó là lời khai có sự thống nhất với nhau từ trước và những lời khai đó không đúng sự thật khách quan của vụ án.

Kết quả giám định: Theo bảng tính chi tiết tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh N ban hành kèm theo Công văn số 133/TTPY-KGD ngày 19-4-2023 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh B về việc giải thích kết luận giám định thì tỷ lệ tổn thương cơ thể của 06 sẹo nhỏ là 06%. Công văn số 2791/CSĐT-ĐTTH ngày 05-09-2023 của Công an thành phố V đề nghị Trung tâm pháp y tỉnh B giải thích rõ tỷ lệ tổn thương cơ thể của Võ Văn N là 86% đã bao gồm tỷ lệ tổn thương cơ thể 06% do 06 vết sẹo dẫn lưu hay chưa. Công văn số 300/TTPY-KGD ngày 07-09-2023 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh

B giải thích kết luận giám định đối với thương tích của Võ Văn N: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Võ Văn N là 86%, tỷ lệ trên đã bao gồm tỷ lệ tổn thương cơ thể do 06 vết sẹo dẫn lưu (Thực hiện theo hướng dẫn tại nguyên tắc 3: Sẹo do phẫu thuật, thủ thuật để xử lý một bộ phận hoặc một vùng cơ thể bị tổn thương; Chương 8, Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-08-2019 của Bộ Y1). Vì vậy, xác định Dương Văn D chỉ đâm Võ Văn N 01 nhát vào vùng bụng. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm ghi nhận N bị đâm nhiều nhất là do nhầm lẫn với những vết mổ dẫn lưu khi cấp cứu.

Về trình tự, thủ tục thu giữ vật chứng của Công an xã L: Sau khi D thừa nhận hành vi phạm tội, D đã đưa Công an xã L về nhà tự nguyện giao nộp cây kéo. Công an xã L, thành phố V không chụp ảnh, mô tả vật chứng, chưa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, việc không thu giữ được hung khí không làm ảnh hưởng đến bản chất nội dung vụ án.

Ông Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Thanh T2, anh Nguyễn Văn B1, chị Nguyễn Thị Kim L1 đi theo Dương Văn D qua nhà N với mục đích để tìm Bông, không biết D chuẩn bị trước hung khí và gây thương tích cho N, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Bà Võ Thị L2 là người làm chứng, đã khai báo không đúng sự thật khách quan tại phiên tòa xét xử phúc thẩm đối với Dương Văn D. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ các dấu hiệu của hành vi khai báo không trung thực của bà Võ Thị L2 và những người liên quan trong vụ án, xác định Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết để điều tra xử lý sau theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 362/CT-VKS ngày 22-11-2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Dương Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134, điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án tù đến 05 năm đến 06 năm tù giam.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố V và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra lại và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lại, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận vào khoảng 00 giờ ngày 13-05-2020, tại khu vực trước cửa nhà bị hại Võ Văn N thuộc thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; bị cáo đã thực hiện hành vi sử dụng một cây kéo bằng kim loại dài khoảng 20 cm (giống cây kéo bị cáo đã giao nộp cho Công an xã L theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 14-05-2020 và trực tiếp nhận diện lại tại phiên tòa) đâm một nhát vào vùng bụng gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tích 86% (trong đó đã bao gồm tỷ lệ tổn thương cơ thể 06% do 06 vết sẹo phẫu thuật dẫn lưu).

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lại hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại và các đương sự trong vụ án; phù hợp với kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Xét bị cáo đã sử dụng kéo là hung khí nguy hiểm gây ra thương tích bị hại, nên hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người bị hại; ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội tại địa phương; nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; bồi thường toàn bộ thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại; bị hại cũng có lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Xét của bị cáo được áp dụng ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên quyết định xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Văn N xác định bị cáo đã bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm tổng số tiền 180.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm về phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- 01 cây kéo bằng sắt, dài 20cm, cán được bọc nhựa màu trắng do Dương Văn D tự nguyện giao nộp tại Công an xã L chứa trong phong bì màu trắng, được niêm phong có dấu đỏ của UBND xã L, chữ ký của Đinh Thanh T6, Nguyễn Văn X, Phùng Thị Kim T, Dương Văn L3, Lê Vũ K1, Trần Thị Thúy D1. Xét quá trình thu thập và bảo quản 01 cây kéo theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 14-05-2020 của Công an xã L không đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định; không đảm bảo tính khách quan, tính liên quan, tính hợp pháp nên xác định 01 cây kéo bằng sắt dài khoảng 20cm, cán được bọc nhựa màu trắng do Dương Văn D tự nguyện giao nộp tại Công an xã L không phải vật chứng của vụ án. Bị cáo không yêu cầu nhận lại cây kéo đã nộp, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 khúc cây bằng gỗ dài khoảng 60cm được niêm phong theo quy định (Nguyễn Thanh T2 khai nhận đây là khúc cây T2 nhặt được và cầm theo trên đường đi qua nhà Võ Văn N để phòng thân và tự nguyện giao nộp) là vật không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 áo thun màu đỏ (của Võ Văn N), không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 bộ quần jean và áo somi (của Dương Văn D), không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng: Điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Dương Văn D 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 06 năm 2023 (được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 28-03-2022 đến ngày 26-04-2023).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kéo bằng sắt, dài 20cm, cán được bọc nhựa màu trắng; 01 khúc cây bằng gỗ dài khoảng 60cm; 01 áo thun màu đỏ; 01 bộ quần jean và áo somi.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 56/BB-CCTHADS ngày 28-11-2023.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. V;
- Công an TP. V;
- Thi hành án dân sự TP. V;
- Nhà tạm giữ Công an TP. V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo